

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện,
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (gọi tắt là: **Đại hội**) xem xét thông qua các nội dung sau:

A/ NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025;
3. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, đầu tư, đề tài, sản phẩm mới, hoạt động khoa học công nghệ năm 2025; Phương án phân phối lợi nhuận 2025; Bảng tổng hợp thù lao, phụ cấp của HĐQT, BKS năm 2025; Mức chi trả cổ tức năm 2025;
4. Báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán);
5. Kế hoạch SXKD, đầu tư, nghiên cứu phát triển đề tài, sản phẩm mới, hoạt động khoa học công nghệ năm 2026; Phương án thù lao HĐQT, BKS năm 2026; Nguyên tắc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2026; Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2029;
6. Miễn nhiệm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025 - 2029 đối với ông Dương Trung Lợi;
7. Thông qua danh sách một nhân sự ứng cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2029
8. Bầu thay thế một Thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2025 - 2029 theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty;
9. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026;

B/ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG CHÍNH:



NỘI DUNG 1: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 (Tài liệu gửi kèm)

NỘI DUNG 2: BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025 (Tài liệu gửi kèm)

NỘI DUNG 3: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ, ĐỀ TÀI, SẢN PHẨM MỚI, HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2025; PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025; BẢNG TỔNG HỢP THÙ LAO, PHỤ CẤP CỦA HĐQT, BKS NĂM 2025; MỨC CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2025

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 (đã kiểm toán):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025 (ĐHĐCĐ đã thông qua)	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH 2025/KH 2025 (%)
1	Tổng doanh thu hợp nhất gồm - BH và CCDV - DT hoạt động TC - TN khác Trong đó:	Đồng	1.759.831.000.000	1.768.515.690.369	100,5%
1.1	Doanh thu ngoài VNPT	Đồng	1.189.150.000.000	754.617.576.323	63,5%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Đồng	10.824.000.000	10.903.288.646	100,9%
3	Tỷ suất LNST/VCSH (Vốn CSH theo BCTC)	%	4,7%	4,73%	100,6%
4	Cổ tức	%	4,36%	4,4%	100,9%
5	Thu nhập bình quân Người/tháng	Đồng	12.200.000	11.518.504	94,4%
6	Quỹ tiền lương	đồng	73.200.000.000	47.675.088.314	65,1%
7	Lao động bình quân	Người	500	345	69,0%

Thời gian thanh toán cổ tức năm 2025: Thực hiện đúng theo quy định trả cổ tức tại điều 135 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “**Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**”. Giao cho Hội đồng Quản trị công ty triển khai thanh toán cổ tức vào thời gian thích hợp đảm bảo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2025:

STT	Tên dự án Công trình	Đơn vị	Tổng giá trị kế hoạch đầu tư	Nội dung	Ghi chú	Tiến độ triển khai 2025	Tổng giá trị đã đầu tư
	Tổng kế hoạch đầu tư 2025		25,503,780,000				690,564,933
A1	Kế hoạch đầu tư tiếp tục thực hiện hoặc chuyển tiếp từ những năm trước sang năm 2025:		5,073,780,000				
1	Chi phí thiết kế và thẩm duyệt thiết kế ban đầu nhà xưởng số 2 và nhà xưởng số 3 sửa chữa hệ thống báo cháy hiện có, hệ thống chiếu sáng sự cố và exit	POT ĐN	180,000,000	Theo PCCC Đà Nẵng yêu cầu	Quý 2+3/2025		
2	Sửa chữa hệ thống báo cháy hiện có, hệ thống chiếu sáng sự cố và exit...	POT ĐN	30,000,000		Quý 3/2025		
3	Đầu tư mua sắm dây chuyền thiết bị sản xuất và đo kiểm Accu/Battery Lithium, gồm: + 02 máy hàn; + 02 máy nạp xả; + Thiết bị đo.	PDE	3,983,780,000	Tổng dự án 4,6 tỷ. Đã mua 1 máy hàn năm 2021 (616 triệu). Giá trị còn lại chuyển tiếp từ năm 2022, 2023, 2024 sang triển khai năm 2025.	2025		
4	Máy chấn, uốn 50 tấn, 2m LC	NM 4	180,000,000	Mục đích đầu tư để làm vỏ bình accu, các loại hộp ODF, hộp VNPT nhằm giảm tải cho máy AMANDA hiện có và tăng năng lực sản xuất chung của NM4	Quý 2+3/2025		
	Sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng nhà xưởng	NM 4	700,000,000	Nhằm tôn tạo làm	Quý IV/	Đã triển khai qua 2 gói	690,564,933

5	II			lại máng xối và nâng nền nhà xưởng đã xuống cấp do lâu năm chưa cải tạo.	2025	thầu.	
A2	Kế hoạch đầu tư của năm 2025:		20,430,000,000				
	Nhà máy 123		8,500,000,000				
I	Đầu tư mới						
I	Máy uốn tự động Panel Bending 1.1m	NM 123	3,250,000,000	Tiếp tục năm 2024	Tháng 6.2025	Đã triển khai theo hình thức thuê mua tài chính: 2.373.732.000 đồng.	
II	Sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị hiện có	NM 123					
1	Hệ thống đúc nhôm thể tích	NM 123	700,000,000				
2	Bảo dưỡng toàn bộ dây chuyền sợi	NM 123	3,500,000,000				
3	Chuyển đổi công nghệ dây chuyền hàn	NM 123	650,000,000				
4	Nâng cấp công nghệ dây chuyền cấp quang	NM 123	400,000,000				
	Nhà Máy 4		-				
	POT ĐÀ NẴNG		130,000,000				
I	Đầu tư mới						
1	Sửa chữa cầu cáp điện	POT ĐN	20,000,000		Quý 2+3/ 2025		
2	sửa chữa mái nhà inverter (năng lượng mặt trời)	POT ĐN	10,000,000		Quý 2+3/ 2025		
3	Sửa chữa hàng rào (Trục đường số 7)	POT ĐN	60,000,000		Quý 2+3/ 2025		
4	Bảo dưỡng duy tu hệ thống làm mát các inveter và hệ năng lượng mặt trời trên mái.	POT ĐN	40,000,000		Quý 2+3/ 2025		
	PDE		-				
	Văn phòng Công ty		1,000,000,000				
1	Nâng cấp, tu bổ, sửa chữa: nhà văn phòng, máy móc, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng tại khu vực văn phòng	VP Cty	1,000,000,000	Dự phòng.	Chi triển khai theo tình hình thực tế yêu cầu		

	Công ty 61 Trần Phú Ba Đình, Hà Nội.				hoặc bất khả kháng.		
	Tổ hợp VSIP Bắc Ninh		10,800,000,000				
1	Lắp đặt hệ thống điện mặt trời 999Kwp	VSIP	8,800,000,000	Dự kiến lắp đặt tại mái nhà xưởng số 3 - KCN VSIP			
2	Nâng cấp, tu bổ, sửa chữa: nhà văn phòng, nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng tại khu vực VSIP.	VSIP	2,000,000,000	Dự phòng.	Chi triển khai theo tình hình thực tế yêu cầu hoặc bất khả kháng.		

3. Kế hoạch đề tài, sản phẩm mới, nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2025 và các năm tiếp theo:

STT	Dự kiến đề tài, sản phẩm mới, nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2025	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	5G Mobile Broadband & Fixed Wireless Access: 5G Mifi(Mobile Wifi Hotspot), 5G CPE & ODU (Hisense)	CNMB	Sản phẩm thương mại của Hisense → Dừng thực hiện
2	PON: XGSPON ONT (hỗ trợ Wifi 6 hoặc Wifi 7) & SFP(Hisense)	CNMB	Sản phẩm thương mại của Hisense → Dừng thực hiện
3	Wifi Router: hỗ trợ Wifi 6 hoặc Wifi 7(Hisense)	CNMB	Sản phẩm thương mại của Hisense → Dừng thực hiện
4	Cáp indoor bọc chặt	NM123	Sản phẩm mới → Chuyển tiếp 2026
5	Sợi quang đơn mode G652D; 200 uM	NM123	Sản phẩm mới → Chuyển tiếp 2026
6	Sợi quang đơn mode G654E	NM123	Sản phẩm mới → Dừng thực hiện
7	Loa nén các loại+	NM123	Đã xong và đang thương mại hoá
8	Tủ viễn thông (theo mẫu của Campuchia)	NM4	Đã xong và thương mại hoá
9	Thiết bị nguồn outdoor vỏ nhôm đúc AC/DC48V - 3kW	PDE	Đã xong và cung cấp vào hạ tầng VNPT

10	Ắc quy lithium 48v300ah	PDE	Sản phẩm mới → Chuyển tiếp 2026
11	Ắc quy 48v50ah vỏ nhôm	NM123/PDE	Đã xong và cung cấp vào hạ tầng VNPT
12	Điều khiển từ nguồn outdoor PODS-VN VT02 12kW;	PDE	Đã xong và cung cấp vào hạ tầng VNPT
13	Module chống sét vỏ nhựa 100KA TSG	PDE	Sản phẩm cải tiến: sử dụng TSG công nghệ mới → Chuyển tiếp 2026.
14	Hộp đấu nối quang vỏ nhôm	TT R&D	Sản phẩm mới → Dừng thực hiện
15	Nguồn hiệu suất cao 1U ZXDU B301 (1U)	TT R&D	Đã xong và thương mại hoá
16	Nguồn hiệu suất cao V6 5U ZXDU B301 (5U)	TT R&D	Sản phẩm mới → Chuyển tiếp 2026
17	Hệ thống nguồn công suất lớn 600A-1000A 48V cho node mạng chính	TT R&D	Sản phẩm mới → Chuyển tiếp 2026
18	Hệ thống lưu trữ năng lượng hộ gia đình kết hợp solar 5-10kw	TT R&D	Sản phẩm mới → Chuyển tiếp 2026
19	Tìm hiểu, nghiên cứu các sản phẩm liên quan đến chuyển đổi số QG	TT R&D	Sản phẩm mới → Chuyển tiếp 2026
20	Măng xông quang 12-24FO	TT R&D	Đã xong và thương mại hoá, tham dự thầu
21	Măng xông quang 48-96FO	TT R&D	Đã xong và thương mại hoá, tham dự thầu
22	Vỏ tủ outdoor	TT R&D	Đã xong và thương mại hoá

4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, tổng hợp thù lao HĐQT, BKS năm 2025, mức chi trả cổ tức năm 2025 cho các cổ đông:

4.1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (VNĐ)	Thực hiện năm 2025 (VNĐ)
1	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế công ty mẹ		10,609,312,358
2	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế công ty PDE		2,412,529,816
3	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế công ty Postef Ba		

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025 (VNĐ)	Thực hiện năm 2025 (VNĐ)
	Đình		117,023,394
4	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế công ty con Postef Đà Nẵng		1,100,173,424
5	Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất công ty		14,239,038,992
6	<i>Loại trừ lợi nhuận nội bộ sau hợp nhất</i>		<i>3,335,750,346</i>
7	Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất công ty năm 2025(sau khi loại trừ)	10,824,000,000	10,903,288,646
8	Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025		10,903,288,646
8.1	Số cổ phần đang lưu hành (19.430.006 cổ phần)	194,300,060,000	194,300,060,000
8.2	Tỷ lệ Cổ tức năm 2025	4.36%	4.40%
	Số tiền Cổ tức năm 2025	8,471,482,616	8,549,202,640
8.3	Trích quỹ khen thưởng	335,928,117	1,082,399,998
8.4	Trích quỹ Phúc lợi	335,928,117	1,082,399,998
8.5	Thù lao HĐQT, BKS công ty năm 2025: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2025	100.00%	100.50%
	Số tiền Thù lao HĐQT, BKS công ty năm 2025	184,000,000	184,920,000
	<i>Thù lao HĐQT năm 2025</i>	<i>138,000,000</i>	<i>138,690,000</i>
	<i>Thù lao BKS năm 2025</i>	<i>46,000,000</i>	<i>46,230,000</i>
8.6	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 để lại chưa phân phối		4,366,010

4.2. Bảng tổng hợp thù lao, phụ cấp của HĐQT, BKS năm 2025:

Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 và kết quả thực hiện năm 2025.

Tổng thù lao của HĐQT & BKS năm 2025 được tính toán như sau:

STT	Đơn vị	Thù lao kế hoạch HĐQT & BKS đã được ĐHĐCĐ 2025 phê duyệt (đồng)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của lợi nhuận sau thuế năm 2025 (đồng)	Thù lao năm 2025 được hưởng (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)*(4)
1	Hội đồng quản trị	138,000,000	100,5%	138,690,000
2				

	Ban kiểm soát	46,000,000	100,5%	46,230,000
	Cộng	184.000.000		184.920.000

4.3. Về mức chi trả cổ tức năm 2025 cho các cổ đông:

- + Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của công ty.
- + Căn cứ tình hình thực tế giao dịch cổ phiếu POT trên thị trường chứng khoán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận: mức chi trả cổ tức cả năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ là **4,4%** (Bốn phẩy bốn phần trăm).

NỘI DUNG 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025 (Tài liệu gửi kèm);

NỘI DUNG 5: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ, NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN ĐỀ TÀI, SẢN PHẨM MỚI, HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2026; PHƯƠNG ÁN THỦ LAO HĐQT, BKS NĂM 2026, NGUYÊN TẮC TRÍCH LẬP QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI NĂM 2026; KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2026 – 2029.

Căn cứ tình hình thực tế thị trường trong nước và khu vực năm 2026.

Sau đây là phương án kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua như sau:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua nội dung “Ủy quyền cho HĐQT Công ty cổ phần Thiết Bị Bưu Điện thẩm định các dự án đầu tư mua sắm, sửa chữa, thực hiện các đề tài nghiên cứu để chỉ đạo Ban Tổng giám đốc công ty triển khai thực hiện, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và hiệu quả đầu tư vốn nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đã được Đại hội đồng cổ đông giao”, bao gồm:

1. Kế hoạch SXKD năm 2026:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng doanh thu (Hợp nhất BCTC)	Đồng	1.944.800.000.000
1.1	Trong đó: Doanh thu ngoài VNPT	Đồng	1.401.392.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (Hợp nhất BCTC)	Đồng	15.645.000.000
4	Tỷ suất LNST/VCSH bình quân	%	6,79%
5	Cổ tức	%	6,3%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Đồng	12.200.000
7	Quỹ tiền lương	đồng	73.200.000.000
8	Lao động bình quân	Người	500

Quỹ tiền lương, định biên nhân sự trong năm 2026 được thực hiện theo đúng các quy chế/quy định của công ty và pháp luật có liên quan, đảm bảo phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh và kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2026:

STT	Tên dự án Công trình	Đơn vị	Tổng giá trị đầu tư	Nội dung	Ghi chú
	Nhà máy 2	NM2	24,100,000,000		
I	Đầu tư mới		21,700,000,000		
1	Hệ thống hàn laser tự động		2,200,000,000		Tháng 6.2026
2	Máy đúc nhôm buồng lạnh		3,200,000,000	Chuẩn bị KH 5G	Tháng 9.2026
3	Hệ thống lò nung cao tần (máy đúc nhôm)		3,800,000,000		Tháng 9.2026
4	Dây chuyền sản xuất cáp Ribbon: Chỉ tính riêng máy kết băng sợi quang (Ribboning Machine)		12,500,000,000	Dự kiến thiết bị của Nextrom	Tháng 12.2026
II	Sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị hiện có		2,400,000,000		
1	Nâng cấp công nghệ dây chuyền cáp quang		2,400,000,000		
	Nhà máy 3	NM3	25,220,000,000		
I	Sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị hiện có				
1	Bảo dưỡng, nâng cấp và hoàn thiện dây chuyền Sợi quang:		25,220,000,000		
	1 HĐ về các chi tiết linh kiện với Nextrom				
	1 HĐ về Khuôn kéo + nhuộm với Nextrom				
	1 HĐ với Sikora				
	HĐ với Sumitomo				
	01 Máy đo độ cứng (Agilent)				
	Nhà Máy 4	NM4	2,058,000,000		
I	Đầu tư mới		1,040,000,000		
1	Máy in phun mực trắng (bọc chặt)		210,000,000	SX bọc chặt	Quý I/2026
2	Máy hàn Robot (1 cái)		450,000,000		Quý I + II/2026
3	Thang nâng hàng KT: 2 mét x 2 mét		380,000,000	Làm tầng 2 nhà ăn cũ	Quý I + II/2026

II	Sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị hiện có		1,018,000,000		
1	Bộ Xi lanh trục vít máy 65/132 dây chuyền SX ống nhựa		148,000,000		Quý II/2026
2	Sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng mái tôn, hệ thống máng xối nhà xưởng II		870,000,000		Quý IV/ 2026
	POT ĐÀ NẴNG	ĐN	2,054,548,000		
I	Đầu tư mới		1,937,548,000		
1	Chi phí thiết kế và thẩm duyệt thiết kế ban đầu nhà xưởng số 2 và nhà xưởng số 3 sửa chữa hệ thống báo cháy hiện có, hệ thống chiếu sáng sự cố và exit		180,000,000	Gian đoạn 1	Quý 1/2026
2	Sửa chữa hệ thống báo cháy hiện có, hệ thống chiếu sáng sự cố và exit...		30,000,000	Gian đoạn 1	Quý 1/2026
3	Lắp đặt hệ thống PCCC xưởng 3		492,000,000	Gian đoạn 2	Quý 2/2026
4	Lắp đặt phòng bơm hệ thống PCCC xưởng 2		430,548,000	Gian đoạn 2	Quý 2/2026
5	Bể nước ngầm phục vụ PCCC cho 3 xưởng		275,000,000	Gian đoạn 2	Quý 2/2026
6	Hệ thống PCCC phản năng lượng mặt trời		410,000,000	Gian đoạn 2	Quý 3/2026
7	Chi phí nghiệm thu thẩm duyệt PCCC đồng ý sử dụng của cơ quan PCCC		120,000,000	Giai đoạn 3	Quý 4/2026
II	Sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị hiện có		117,000,000		
1	Sửa chữa thay thế máng xối giữa giữa xưởng 1 và xưởng 2.		60,000,000		Quý 2/2026
2	Chống dột ốp nóc nhà xưởng		25,000,000		Quý 2/2026
4	Sửa chữa hàng rào trục đường số 7		32,000,000		Quý 2/2026
	PDE	PDE	3,983,780,000		
I	Đầu tư mới		3,983,780,000		
1	Đầu tư mua sắm dây chuyền thiết bị sản xuất và đo kiểm Accu/Battery Lithium, gồm:		3,983,780,000	Tổng dự án 4,6 tỷ. Đã mua 1 máy hàn năm 2021 (616 triệu). Giá trị còn lại chuyển tiếp từ năm 2022 đến 2025 sang triển khai năm 2026	2026
2	+ 02 máy hàn;				
3	+ 02 máy nạp xả;				
4	+ Thiết bị đo.				
	Tổ hợp VSIP Bắc Ninh	VSIP	2,000,000,000		

Nâng cấp, tu bổ, sửa chữa: nhà văn phòng, nhà xưởng, máy móc, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng tại khu vực VSIP.		2,000,000,000	Dự phòng.	Chỉ triển khai theo tình hình thực tế yêu cầu hoặc bất khả kháng.
Tổng kế hoạch đầu tư năm 2026 các đơn vị		59,416,328,000		

3. Kế hoạch đề tài, sản phẩm mới, nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2026, bao gồm:

3.1. Đề tài, sản phẩm mới, nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2025 chuyển tiếp sang:

STT	Đề tài, sản phẩm mới, nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2025 chuyển tiếp 2026	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Cáp indoor bọc chặt	NM2	Năm 2026
2	Sợi quang đơn mode G652D; 200 uM	NM3	Năm 2026
3	Ắc quy lithium 48v300ah	PDE	Năm 2026
4	Module chống sét vỏ nhựa 100KA TSG	PDE	Năm 2026
5	Nguồn hiệu suất cao V6 5U ZXDU B301 (5U)	TT R&D	Năm 2026
6	Hệ thống nguồn công suất lớn 600A-1000A 48V cho node mạng chính	TT R&D	Năm 2026
7	Hệ thống lưu trữ năng lượng hộ gia đình kết hợp solar 5-10kw	TT R&D	Năm 2026
8	Tìm hiểu, nghiên cứu các sản phẩm liên quan đến chuyển đổi số QG	TT R&D	Năm 2026

3.2. Đề tài, sản phẩm mới, nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2026:

STT	Dự kiến đề tài, sản phẩm mới, nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2026	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Thiết kế vỏ tủ VT 02 cung cấp cho Mobifone (tủ chống nắng, không dùng điều hòa)	TT R&D	Sản phẩm mới
2	Nguồn công suất cao 48V1500A	TT R&D	Sản phẩm mới

3	Sợi quang đơn mode G657A2 ; 200 uM	NM3	Sản phẩm mới
4	Cáp Ribbon 1x4 ; 1x8 ; 1x12	NM2	Sản phẩm mới
5	Tủ phân phối quang dung lượng lớn dùng cho IDC trung tâm viễn thông/ khu đô thị.	TT R&D NM2	Sản phẩm mới
6	Các loại loa nén 25W; 35W và 60W trở kháng 8Ω	NM2	Sản phẩm mới
7	Vỏ hộp ắc quy 51,2V-100Ah lưu trữ điện solar dùng trong dân dụng	NM4	Sản phẩm mới
8	Tủ outdoor TC 600Y; kích thước: (760 × 655 × 535)mm	NM4	Sản phẩm mới
9	Modul cắt sét SPD11	PDE	Sản phẩm mới
10	Mạch BMS ắc quy Lithium 100Ah, 50Ah	PDE	Sản phẩm mới
11	Ắc quy lithium dân dụng 48V 200Ah , 300Ah	PDE	Sản phẩm mới
12	Thiết bị nguồn di động 48V/1200W	PDE	Sản phẩm mới
13	Nâng cấp mạch giám sát tủ thiết bị điều khiển tốc độ quạt theo nhiệt độ trong và ngoài tủ	PDE	Sản phẩm mới
14	Thiết bị phục vụ đo kiểm đo 5 vùng nhiệt độ, điện áp 0 ~70 VDC, dòng 500Adc, Điện áp AC truyền dẫn và sao lưu qua RS232, Modbus RTU, Web, tự động lập báo cáo qua excel	PDE	Sản phẩm mới
15	Hệ thống loa truyền thanh thông minh loại mới (thay cho bộ ICS)	PDE CNMB	Sản phẩm mới
16	Bộ ATS cung cấp cho Viettel	CNMB	Sản phẩm mới
17	Băng tải Ecopick	Postef BĐ TTRD	Sản phẩm mới
18	Thiết bị DWS Postef tham gia phần cơ khí.	Postef BĐ TTRD	Sản phẩm mới
19	Converter dùng cho Solar loại V6	TTRD PDE	Sản phẩm mới

20	Quạt tự động điều chỉnh tốc độ (điều chỉnh bằng độ rộng xung) theo nhiệt độ áp dụng cho nguồn V6	TTRD PDE	Sản phẩm mới
----	--	-------------	--------------

3.3. Các đề tài đăng ký Bộ KH&CN giai đoạn 2026 - 2027:

Trong năm 2026-2027, Công ty dự kiến đăng ký đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ KH&CN để duy trì truyền thống và thúc đẩy năng lực nghiên cứu và phát triển của POSTEF, tập trung vào một số đề tài, nhiệm vụ KHCN như sau:

STT	Tên đề tài	Đơn vị chủ trì	Cấp quản lý đề tài	Ghi chú
1	Nghiên cứu và sản xuất cell pin thể rắn	Postef	Bộ KHCN	Có thể phối hợp với giảng viên trường Bách khoa
2	Nghiên cứu và sản xuất sợi quang có bước sóng dịch chuyển G.654.E có hệ số suy hao thấp dùng cho các tuyến truyền dẫn đường dài và sợi quang G.657.B3/G657A1, A2, 200µm	Postef	Bộ KHCN	Phối hợp với viện Hàn lâm KHCN Việt Nam
3	Nghiên cứu vật liệu nhựa HDPE giá rẻ dùng cho sản xuất vỏ cáp quang	Postef	Bộ KHCN	Phối hợp với viện hàn lâm khoa học công nghệ Việt Nam
4	Nghiên cứu sản xuất hệ thống pin lưu trữ năng lượng BESS (Battery Energy Storage System)	Postef	Bộ KHCN	Phối hợp với giảng viên trường Bách khoa
5	Nghiên cứu sản xuất phối để sản xuất sợi quang	Postef	Bộ KHCN	Phối hợp với viện Hàn lâm KHCN Việt Nam

Việc triển khai thực hiện nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới giai đoạn 2026-2027 nói trên phù hợp với chiến lược phát triển hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả đầu tư của doanh nghiệp.

4. Phương án thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026

Căn cứ xây dựng:

- Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và mức lương bình quân năm 2026.

Phương án thù lao HĐQT và BKS năm 2026 được thông qua bằng 1,7% (x) lợi nhuận sau thuế (số kế hoạch) của năm 2026:

Stt	Đơn vị	Đơn vị tính	Thù lao năm 2026 = 1,7% (x) LNST KH (LNST KH 2026 = 15,645 tỷ đồng)
-----	--------	-------------	--

1	Hội đồng quản trị	Đồng	199.474.000
2	Ban kiểm soát	Đồng	66.491.000
	Tổng cộng	Đồng	265.965.000

Quyết toán:

- Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2026 thì thù lao HĐQT và BKS bằng mức dự kiến ở trên.
- Thù lao HĐQT trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 1% (một phần trăm) lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 2% (hai phần trăm); Tổng quỹ thù lao của HĐQT và BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2026 (bao gồm thành viên chuyên trách HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách).
- Thù lao HĐQT trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 1% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 1% so với mức hoàn thành kế hoạch.
- Trong trường hợp Công ty lỗ: Không chi thù lao.

5. Nguyên tắc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2026, như sau:

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2026 sẽ bằng 3.106,6 triệu đồng x (nhân với) tỷ lệ LNST thực hiện năm 2026/LNST kế hoạch năm 2026.

6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026 - 2029 (số liệu hợp nhất):

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên chỉ tiêu	2026	2027	2028	2029	Tốc độ TTbQ
1	Tổng doanh thu	1.944.800	2.139.280	2.353.208	2.588.529	10%
1.1	DT ngoài VNPT	1.401.392	1.541.532	1.695.684	1.865.253	10%
2	LNST	15.645	17.210	18.930	20.823	10%
3	VCSH (VĐL + quỹ ĐTP)	230.341	230.341	230.341	230.341	10%
4	ROE	6,79%	7,47%	8,21%	9,04%	10%
5	Cổ tức (Công ty mẹ)	6,3%	6,9%	7,6%	8,3%	10%

NỘI DUNG 6: XEM XÉT, MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2025-2029 ĐỐI VỚI ÔNG DƯƠNG TRUNG LỢI THEO NGUYỆN VỌNG CÁ NHÂN

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2025-2029 của ông Dương Trung Lợi;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thống nhất miễn nhiệm tư cách Thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2025 - 2029 đối với ông Dương Trung Lợi kể từ ngày biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 được thông qua.

NỘI DUNG 7: XEM XÉT, BẦU THAY THẾ MỘT THÀNH VIÊN HĐQT CÔNG TY NHIỆM KỲ 2025-2029 THEO ĐỀ NGHỊ CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện;

Căn cứ Đề nghị của bà Nguyễn Thị Thuý Dương - Cổ đông lớn của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện kể từ ngày 10/11/2025, hiện đang sở hữu 3.078.562 cổ phần POT (Bằng chữ: Ba triệu không trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi hai cổ phần POT) tương đương 15,84% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (tài liệu gửi kèm);

Căn cứ Sơ yếu lý lịch nhân sự bà Nguyễn Thị Thuý Dương (tài liệu gửi kèm);

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua nội dung như sau:

1/ Thông qua nội dung bầu bổ sung 1 (một) Thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2025 - 2029 (để thay thế ông Dương Trung Lợi);

2/ Thông qua danh sách nhân sự ứng cử để bầu bổ sung 1 (một) thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2025 - 2029, như sau:

STT	Họ và tên	Số CCCD, ngày cấp, nơi cấp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thuý Dương	Số CCCD: 079179007318 - Ngày cấp: 22/09/2023 - Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Ứng cử vào HĐQT

NỘI DUNG 8: ỦY QUYỀN CHO HĐQT LỰA CHỌN TỔ CHỨC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP ĐỂ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2026 CỦA CÔNG TY

Căn cứ Thông tư số 183/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng và Điều lệ Công ty.

Để đảm bảo thuận lợi cho công tác điều hành, Hội đồng quản trị đề xuất phương án để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 như sau:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán dưới đây thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026 và soát xét Báo cáo tài chính quý, sáu tháng đảm bảo một số tiêu chí như: năng lực của doanh nghiệp kiểm toán, chất lượng kiểm toán, chi phí hợp lý...

1. Công ty TNHH hăng kiểm toán AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu – Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 024 38241990

2. Công ty TNHH kiểm toán Vaco

Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Tổng công ty 319, Số 63 đường Lê Văn Lương, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.35770781

3. Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam

Địa chỉ: Số 4 Nguyễn Đình chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.22200237

4. Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, số 165 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.62670491

5. Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC

Địa chỉ: Lô 78-80 đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 023.63655886

6. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: Số 02 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.35472972

Trên đây là nội dung Tờ trình của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ TN 2026;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Hải Vân